

Số: /BV-C9

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2026

V/v mời chào giá nguyên vật liệu phục vụ đề
tài nghiên cứu cấp Bộ quốc phòng: “Nghiên
cứu bào chế và đánh giá hiệu quả điều trị
viêm loét dạ dày – hành tá tràng của cốm
Thuận vị linh”

Kính gửi: Các công ty cung ứng.

Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (Bệnh viện TWQĐ 108) có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán Mua sắm nguyên vật liệu phục vụ đề tài nghiên cứu cấp Bộ quốc phòng: “Nghiên cứu bào chế và đánh giá hiệu quả điều trị viêm loét dạ dày – hành tá tràng của cốm Thuận vị linh” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Khoa Dược, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

- Địa chỉ: Số 1 Trần Hưng Đạo, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của cơ quan, người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Khoa Dược – Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa Nhà Trung tâm, Bệnh viện TWQĐ 108, Số 1 Phố Trần Hưng Đạo, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Hoàng Anh Tuấn

Chức vụ: Dược sĩ

Số điện thoại: 0983258128

Email: anhtuanbv108@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Nhà thuốc số 1 - Khoa Dược - Bệnh viện TWQĐ 108.

- Địa chỉ: Tầng 1 Tòa Nhà Trung tâm, Bệnh viện TWQĐ 108, Số 1 Trần Hưng Đạo, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 10/7/2026 đến trước ngày 20/7/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 10/7/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thuốc, hóa chất yêu cầu báo giá theo phụ lục đính kèm.

Đối với thuốc:

- Giá thuốc phù hợp tương ứng với giá thuốc đang trúng thầu trên thị trường hiện nay, ưu tiên thuốc có kết quả trúng thầu tại các cơ sở y tế còn hiệu lực.

- Các yêu cầu về kỹ thuật của thuốc tuân thủ theo thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu mua thuốc tại các cơ sở y tế công lập và các quy định khác về đấu thầu.

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Số 1 Trần Hưng Đạo, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển.

- Hình thức báo giá: Theo mẫu (chi tiết phụ lục II kèm theo)

Bản mềm (file excel và bản scan) gửi vào: anhtuanbv108@gmail.com

Bản cứng (đã đóng dấu) gửi vào địa chỉ: Nhà thuốc số 1- Khoa Dược - Tầng 1 Nhà trung tâm- Bệnh viện Trung ương Quân đội 108- Số 1 Trần Hưng Đạo- Hai Bà Trưng- Hà Nội.

Mọi thắc mắc xin liên hệ: DS. Tuấn (Số điện thoại: 0983.258.128).

Xin trân trọng cảm ơn!./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TBG; A8b.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trung tướng Nguyễn Hoàng ngọc

Phụ lục I:
DANH MỤC HOÁ CHẤT MỜI BẢO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào giá số /BV-C9 ngày tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện TWQĐ 108)

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Acid picric (250g/lọ)	Lọ	1	Độ tinh khiết $\geq 98\%$ Nồng độ: 50-70% Độ hoà tan trong các dung môi: alcohol: 1 (g/12 mL)(lit.) benzene: 1 (g/10 mL) chloroform: 1 (g/35 mL) diethyl ether: 1 (g/65 mL)
2	Cloramin B	Kg	3	Sử dụng để tiêu diệt các loại vi khuẩn có ở trong không khí và nước. Thành phần hóa học chủ yếu là sodium benzensulfochloramin với công thức $C_6H_5SO_2NClNa.3H_2O$. Trong đó, có chứa khoảng 25% ion Clo dương hay còn gọi là Clo hoạt động, có tác dụng khử trùng, diệt khuẩn. Hiệu quả tiêu diệt vi khuẩn phổ rộng, nha bào, nấm, virus lên đến 99.9%.
3	CMC (Carboxymethylcellulose) 500g	Lọ	1	Độ nhớt: 1500 - 3000 cps (dung dịch 1%) Na: 6.5 - 9.5 % Độ hoà tan: 10 mg/mL H₂O
4	Chất nhuộm tế bào Alcoholic Eosin Y 515 (500ml/chai)	Chai	2	Thuốc nhuộm Eosin chủ yếu được sử dụng để tạo độ tương phản giữa bào tương, mô cơ và các yếu tố mô liên kết với nhân tế bào khi sử dụng thuốc nhuộm nhân như hematoxylin. Nhuộm với các sắc thái khác nhau của màu hồng, đỏ và cam. Đóng gói:chai 500ml
5	Chất nhuộm tế bào Blue Buffer 8 (500ml/chai)	Chai	1	Thuốc nhuộm được sử dụng như một thành phần của quy trình nhuộm hematoxylin và eosin (H&E). Chuyển đổi màu sắc của phức hợp hematoxylin-nhôm gắn với chromatin từ màu đỏ-tím sang màu tím-xanh sáng. Đóng gói: chai 500ml
6	Chất nhuộm tế bào Define MX-AQ (500ml/chai)	Chai	1	Thuốc nhuộm sử dụng trên các lát cắt mô học đông lạnh hoặc nhúng paraffin với quy trình nhuộm hematoxylin và eosin. Loại bỏ thuốc nhuộm hematoxylin dư thừa và xác định nhân tế bào (trong phương pháp nhuộm ngược) Đóng gói: chai 500 ml

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
7	Chất nhuộm tế bào Hematoxylin (500ml/chai)	Chai	2	Thuốc nhuộm Hematoxylin được sử dụng để tạo màu sắc và độ tương phản cho các mẫu mô học và tế bào học được gắn trên lam kính hiển vi. Nhuộm nhân tế bào màu xanh lam, giúp nhìn được cấu trúc nhân và các chi tiết của mẫu vật. Đóng gói: chai 500 ml
8	Chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học/ Boule Hypochlorite 2% Clean	Thùng	1	Dung dịch enzyme có tác dụng phân giải protein để làm sạch máy đếm tế bào máu. Đóng gói: chai 1 lít
9	Chất thử chuẩn dùng cho phân tích huyết học/Boule Con-diff	Thùng	1	Chất chuẩn đa thông số ba cấp độ, được thiết kế để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và giám sát độ chính xác của máy đếm tế bào máu trong huyết học. Đóng gói: 2 x 2.5 mL
10	Diethyl ether 1L/chai	Chai	1	Độ tinh khiết >99.5% Acetone <0.002% Ethanol <0.01 % Methanol <0.01 % Calcium (Ca) <0.2 ppm Copper (Cu) <0.05 ppm Iron (Fe) <0.1 ppm Lead (Pb) <0.05 ppm Magnesium (Mg) <0.05 ppm Potassium (K) <0.5 ppm
11	Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu	Thùng	1	Dung dịch ly giải hồng cầu (RBC) để đếm và phân biệt bạch cầu (WBC) và để xác định hemoglobin trên máy đếm tế bào máu. Đóng gói: chai 1 lít
12	Dung dịch pha loãng	Thùng	1	Dung dịch đệm đẳng trương dùng để pha loãng mẫu trong các xét nghiệm xác định số lượng tế bào máu và phân loại bạch cầu, cũng như đo chỉ số hematocrit trên máy đếm tế bào máu,... Đóng gói: Can 10 lít
13	Ethanol 96 chai 1 lit	Chai	2	Độ tinh khiết $\geq 99.9\%$ Acetone (GC) $\leq 0.001\%$ Ethylmethylketone (GC) $\leq 0.02\%$

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				Isoamyl alcohol (GC) ≤ 0.05 % 2-Propanol (GC) ≤ 0.01 %
14	Formaldehyd 5%	Chai	4	"Nồng độ: 37-41% Calcium (Ca) <10 ppm Copper (Cu) <0.5 ppm Iron (Fe) <1 ppm Lead (Pb) <0.5 ppm Total chloride (Cl) <0.001% Total phosphorus (P) <0.5 ppm Total silicon (Si) <2 ppm Total sulphur (S) <20 ppm Zinc (Zn) <2 ppm"
15	Formaldehyd 10% Buffered	Chai	1	"Code fisher: SF100-4 Nồng độ: 10% Hàm lượng: 4-5% pH: 6.9 - 7.1"
16	Hóa chất dùng để chuẩn xét nghiệm sinh hóa (Chemistry Multicalibrator)	Lọ	1	Hóa chất dùng để chuẩn xét nghiệm sinh hóa. Đóng gói: 5x1 ml
17	Hóa chất kiểm chuẩn bình thường (Chemistry Control N)	Lọ	1	Control N sử dụng làm mẫu đối chứng bình thường cho các xét nghiệm: • Prothrombin Time (PT) • Activated Partial Thromboplastin Time (APTT) • Fibrinogen • Anti-Thrombin (AT III)
18	Hóa chất kiểm chuẩn bình thường bất thường (Chemistry Control P)	Lọ	1	Hoá chất kiểm chuẩn bất thường dùng cho các xét nghiệm thường quy. Đóng gói: 10 x 1 ml
19	Hóa chất xét nghiệm ALT	Hộp	2	Bộ hoá chất định lượng ALT/GPT (Alanine Aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần:

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				R1: 4 x 100 ml R2: 1 x 100 ml
20	Hóa chất xét nghiệm AST	Hộp	2	Bộ hoá chất định lượng AST/GOT (Aspartate Aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1: 4 x 100 ml R2: 1 x 100 ml
21	Hóa chất XN albumin	Hộp	2	Bộ hoá chất định lượng Albumin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1: 5 x 50 ml R2 standard: 1 x 2 ml
22	Hóa chất XN bilirubin TP	Hộp	2	Bộ hoá chất định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1: 4 x 50 ml R2: 1 x 6 ml
23	Hóa chất XN creatinin	Hộp	2	Bộ hoá chất định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Thành phần: R1: 2 x 50 ml R2: 2 x 50 ml R3 STD: 1 x 5 ml
24	Hóa chất XN cholesterol TP	Hộp	2	Bộ hoá chất định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1: 1 x 250 ml R2 standard: 1 x 5 ml
25	NaOH 1kg/chai	Chai	1	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$ Chloride (Cl): $\leq 0.012\%$ Phosphate (PO ₄): $\leq 0.0005\%$ Silicate (SiO ₂): $\leq 0.001\%$ Sulfate (SO ₄): $\leq 0.010\%$

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				Total nitrogen (N): $\leq 0.0003\%$ Kim loại nặng: $\leq 0.0005\%$ Cu (Copper): $\leq 0.0002\%$ Fe (Iron): $\leq 0.0005\%$ Pb (Lead): $\leq 0.0005\%$ Zn (Zinc): $\leq 0.001\%$ Al (Aluminium): $\leq 0.0005\%$ As (Arsenic): $\leq 0.0001\%$
26	Natri hydrocarbonat (NaHCO ₃)	Lọ	1	Độ tinh khiết >99% Calcium (Ca) <200 ppm Copper (Cu) <10 ppm Iron (Fe) <20 ppm Lead (Pb) <10 ppm Zinc (Zn) <20 ppm Potassium (K) <500 ppm Total chloride (Cl) <0.02% Total phosphorus (P) <10 ppm Total silicon (Si) <100 ppm Total sulphur (S) <50 ppm"
27	Nước muối sinh lý (chai 500ml)	Chai	10	Nước muối 0.9%
28	Nước tinh khiết (2,5L/chai)	Chai	10	Độ dẫn điện $\leq 1\text{ uS/cm}$ Ca (Calcium) $\leq 100\text{ ppb}$ Fe (Iron) $\leq 5\text{ ppb}$ K (Potassium) $\leq 10\text{ ppb}$ Mg (Magnesium) $\leq 20\text{ ppb}$ Na (Sodium) $\leq 200\text{ pp}$
29	Parafin	Lit	2	Kích thước: 2 inches x 250 feet (5 cm x 76.2 m) Độ co giãn lên đến 200% và bám dính ngay cả trên các hình dạng và bề mặt không đều.

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				Có khả năng chống chịu đến 48 giờ với nhiều chất phân cực, ví dụ như dung dịch muối, axit vô cơ và dung dịch kiềm.
30	Phenolphthalein 25g/lọ	Lọ	1	Bột màu trắng đến trắng ngà. Khoảng đổi tiếp thị giác: 8.2-9.8 từ không màu đến đỏ-tím. Λ_{max} : 551-554 nm (buffer pH 9.8)

Phụ lục: II
DANH MỤC THUỐC MỜI BẢO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào giá số /BV-C9 ngày tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện TWQĐ 108)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	T01	Esomeprazol	1	20mg	Uống	Viên nén	viên	4.062
2	T02	Amoxicilin	1	500mg	Uống	Viên nang	viên	4.032
3	T03	Levofloxacin	1	500mg	Uống	Viên nén	viên	1.008
4	T04	Bismuth subcitrare	2	120mg	Uống	Viên nén	viên	4.032

Phụ lục III: MẪU BÁO GIÁ HOÁ CHẤT
(Kèm công văn số /BV-C9 ngày tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện TWQĐ 108)

Tên Công ty:
Địa chỉ:..... SDT:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kính gửi: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Công ty chúng tôi kính gửi quý Bệnh viện báo giá sau:

STT	Mã mời báo giá	Tên hàng hoá	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT,VNĐ)	Tương thích với hệ thống máy (Bệnh viện hiện có)	Tương thích với hệ thống máy (do công ty đề xuất)	Thông tin trúng thầu tại CSYT khác theo hình thức thầu rộng rãi còn hiệu lực (nếu có)		
												Giá trúng thầu	Số, ngày quyết định	Tên cơ sở y tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Ghi chú:

Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển,... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Chất lượng hàng hóa mới 100%;

Hàng hóa bàn giao tại kho Bệnh viện.

Hiệu lực báo giá: 180 ngày kể từ ngày ký.

....., ngày tháng năm 2026
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV: MẪU BÁO GIÁ THUỐC TÂN DƯỢC

(Kèm công văn số /BV-C9 ngày tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện TWQĐ 108)

Tên Công ty:

Địa chỉ:..... SĐT:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Căn cứ thư mời báo giá số /BV-C9 ngày tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện, Công ty.....gửi báo giá các mặt hàng chúng tôi đang cung cấp như sau:

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất (ghi theo GPLHSP)	Tên hoạt chất (ghi theo TT20/2022/TT-BYT)	Số thứ tự theo thông tư (ghi theo TT20/2022/TT-BYT)	Nồng độ, hàm lượng (ghi theo GPLHSP)	Đường dùng, dạng dùng (ghi theo GPLHSP)	Đường dùng, dạng dùng (ghi theo Phụ lục I TT 20/2022/TT-BYT)	Dạng bào chế (ghi theo GPLHSP)	Dạng bào chế (ghi theo phụ lục I TT40/2025/TT-BYT)	Quy cách	Nhóm thuốc	Số đăng ký	Đơn vị	Giá trúng thầu còn hiệu lực (nếu có)	Cơ sở trúng thầu	Số quyết định, ngày quyết định	Đơn giá (có VAT, đồng)
1																		
2																		
....																		

Ghi chú: Báo giá đã bao gồm thuế, chi phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển...bên mua không phải trả bất kỳ một khoản phí nào thêm.

Chất lượng hàng hoá mới 100%.

Hàng hoá được giao tại kho của Bệnh viện.

Hiệu lực báo giá: 180 ngày kể từ ngày

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY